

Bản án số: 69/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27-5-2024

Về việc: “Tranh chấp về xác định
cha cho con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Ngọc Côn.

Ông Giáp Văn Phạm.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc Minh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thắm, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 16/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp về xác định cha cho con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 172/TB-TA ngày 23 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Giáp Thị H, sinh năm 1991; trú tại Ngõ A, đường H, Phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Đặng Xuân T, sinh năm 1979; trú tại thôn T, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1988; trú tại thôn X, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/11/2023 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Giáp Thị H trình bày:

Năm 2019, chị đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Văn K. Quá trình chung sống, chị và anh K không có con chung. Đến cuối năm 2019, giữa chị và anh K nảy sinh mâu thuẫn, không thể hòa giải được, đã ly thân từ đầu năm 2020. Tại Bản

án số 102/2023/HNGĐ-ST ngày 30/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang đã giải quyết cho chị và anh Nguyễn Văn K ly hôn. Trong thời gian ly thân với anh Nguyễn Văn K thì chị đã quen biết và có quan hệ tình cảm với anh Đặng Xuân T, sinh năm 1979. Đến ngày 07/11/2023, chị và anh T đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 16/10/2023, chị sinh con tại Bệnh viện Đ, dự định đặt tên là Đặng Tú A nhưng chưa làm thủ tục đăng ký khai sinh cho con. Chị cùng anh Đặng Xuân T và cháu bé dự định đặt tên là Đặng Tú A đã làm thủ tục xét nghiệm ADN, kết quả xét nghiệm xác định anh T và cháu bé dự định đặt tên là Đặng Tú A có mối quan hệ cha – con gái.

Nay chị đề nghị Tòa án xác định anh Đặng Xuân T là cha đẻ của cháu bé dự định đặt tên là Đặng Tú A, sinh ngày 16/10/2023 (theo Giấy chứng sinh chứng sinh số 16, quyển số 08 ngày 16/10/2023 của Bệnh viện Đ).

Bị đơn là anh Đặng Xuân T trình bày tại Bản tự khai:

Anh xác nhận lời trình bày của chị Giáp Thị H về thời điểm quen biết giữa anh và chị H là đúng. Ngày 07/11/2023, anh và chị H đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Ngày 16/10/2023, chị Giáp Thị H sinh con, dự định đặt tên là Đặng Tú A tại Bệnh viện Đ, được cấp giấy chứng sinh số 16, quyển số 08 ngày 16/10/2023. Anh đã đưa cháu Tú A đi xét nghiệm giám định ADN tại Phòng khám Đ1 Công ty TNHH M. Theo kết quả phân tích ngày 13/11/2023 thì anh và cháu Đặng Tú A có quan hệ huyết thống cha – con gái. Nay chị H khởi kiện đề nghị Tòa án xác định anh là cha đẻ của cháu Đặng Tú A thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn K đã được Tòa án giao, tổng đạt hợp lệ thông báo thụ vụ án. Hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo thụ lý vụ án nhưng Tòa án không nhận được văn bản ghi ý kiến của anh K. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh K tham gia hòa giải nhưng anh K không đến Tòa án, do đó Tòa án không lấy được lời khai của anh Nguyễn Văn K.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Giáp Thị H, bị đơn anh Đặng Xuân T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn K được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của chị H, anh T cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 101, khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Giáp Thị H: Xác định anh Đặng Xuân T, sinh năm 1979; trú tại thôn T, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang là cha đẻ của cháu bé dự định đặt tên là Đặng Tú A, sinh ngày 16/10/2023 (theo Giấy chứng sinh chứng sinh số 16, quyển số 08 ngày 16/10/2023 của Bệnh viện Đ).

- Về án phí: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Giáp Thị H yêu cầu Tòa án xác định anh Đặng Xuân T là cha đẻ của cháu bé dự định đặt tên là Đặng Tú A, sinh ngày 16/10/2023 (theo Giấy chứng sinh chứng sinh số 16, quyển số 08 ngày 16/10/2023 của Bệnh viện Đ); anh Đặng Xuân T có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về xác định cha cho con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Giáp Thị H, bị đơn là anh Đặng Xuân T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn K đã được triệu tập lần hai nhưng vắng mặt không lý do. Tại Công văn số 1171/QLXNC ngày 15 tháng 6 năm 2024 của phòng Q Công an tỉnh B cung cấp thông tin anh Nguyễn Văn K không có thông tin cấp hộ chiếu và xuất nhập cảnh. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H, anh T và anh K.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[3.1] Chị Giáp Thị H và anh Nguyễn Văn K kết hôn vào năm 2019. Quá trình chung sống, chị H và anh K nảy sinh mâu thuẫn, sống ly thân từ cuối năm 2019 đến ngày 30/8/2023 thì ly hôn theo Bản án số 102/2023/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Đến ngày 16/10/2023, chị H sinh cháu bé dự định đặt tên là Đặng Tú A (theo Giấy chứng sinh chứng sinh số 16, quyển số 08 ngày 16/10/2023 của Bệnh viện Đ). Tại khoản 1, Điều 88- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Con được sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ thời điểm chấm dứt hôn nhân được coi là con do người vợ có thai trong thời kỳ hôn nhân*”. Như vậy, thời điểm cháu bé dự định đặt tên là Đặng Tú A sinh ra

(ngày 16/10/2023) là trong thời hạn 300 ngày kể từ ngày chị H và anh K chấm dứt hôn nhân (ngày 30/8/2023), được coi là con do chị H có thai trong thời kỳ hôn nhân với anh K.

[3.2] Tại khoản 2, Điều 88- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Trong trường hợp cha, mẹ không thừa nhận con thì phải có chứng cứ và phải được Tòa án xác định*”. Quá trình giải quyết vụ án, chị Giáp Thị H, anh Đặng Xuân T cùng xác định mặc dù cháu bé dự định đặt tên là Đặng Tú A được sinh ra trong thời hạn 300 ngày kể từ ngày chị H và anh K chấm dứt hôn nhân nhưng thực tế thì chị H đã ly thân anh K từ cuối năm 2019. Chị H và anh K không có quan hệ tình cảm gì, không có việc quan hệ vợ chồng, không liên lạc hỏi thăm gì nhau. Chị H xác định trong thời gian ly thân và chưa làm thủ tục ly hôn với anh K, chị đã chung sống như vợ chồng với anh Đặng Xuân T. Do vậy, chị xác định cháu bé dự định đặt tên là Đặng Tú A là con chung của chị và anh Nguyễn Văn K. Tại Bản án số 102/2023/HNGĐ-ST ngày 30/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang cũng xác định chị H và anh K không có con chung. Do vậy, có đủ căn cứ để xác định cháu bé dự định đặt tên là Đặng Tú A không phải con chung của chị Giáp Thị H và anh Đặng Xuân T.

[3.3] Tại Kết quả xét nghiệm ADN mã số MED.BMXN.DT.12.03 ngày 05-3-2023 của phòng khám Đ1 Công ty trách nhiệm hữu hạn M1 đã kết luận: Anh Đặng Xuân T, sinh ngày 13/01/1979, CCCD số 024079015684, quê quán: Quý Sơn, L, Bắc Giang (ký hiệu mẫu: HID2311135-1) và cháu Đặng Tú A, sinh ngày 16/10/2023; giấy chứng sinh 16, quyển số 18, ngày cấp 16/10/2023 nơi cấp Bệnh viện Đ-T, Bắc Giang (ký hiệu mẫu: HID2311135-2) có quan hệ huyết thống cha-con gái.

[4] Từ những đánh giá trên, Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Giáp Thị H, cần xác định anh Đặng Xuân T là cha đẻ của cháu bé dự định đặt tên là Đặng Tú A là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Vụ án này được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Do vậy các đương sự trong vụ án không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 101, khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Giáp Thị H: Xác định anh Đặng Xuân T, sinh năm 1979; trú tại thôn T, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang (số căn cước: 024079015684 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 09/5/2021) là cha đẻ của cháu bé dự định đặt tên là Đặng Tú A, sinh ngày 16/10/2023 (theo Giấy chứng sinh chứng sinh số 16, quyển số 08 ngày 16/10/2023 của Bệnh viện Đ).

2. Về án phí: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Văn Hiếu